

LÊ QUÝNH (1750-1805) (Tiếp theo và hết)

Nguyễn Duy Chính*

*“Bọn ta đâu có thể chặt, [nhưng] tóc không thể cắt,
da có thể lột, [nhưng] áo không thể đổi”. Lê Quýnh.*

LTS: Trong số các cựu thần nhà Lê theo chân vua Chiêu Thống chạy sang Trung Hoa sau khi thất bại trong cuộc đối đầu với Tây Sơn, Lê Quýnh là người đóng vai trò nổi bật nhất. Sự nghiệp Lê Quýnh thật ra không đóng góp gì nhiều vào những biến động lịch sử cuối thế kỷ XVIII, tuy trong một số thời điểm ông có tham gia vào guồng máy chính quyền Bắc Hà nhưng trên thực tế không đóng vai trò quyết định nên chỉ mang tính chứng nhân. Điểm son trong cuộc đời ông chính là 15 năm bị cầm chân trên đất Trung Hoa, ông đã cương quyết giữ trọn lòng trung với nhà Lê, thà chết chứ không chịu cạo đầu và thay đổi y phục làm dân Thanh triều. Đánh giá về thái độ chính trị của Lê Quýnh đúng hay sai còn tùy vào nhận định và quan điểm của từng người. Tuy nhiên, dù ở phía nào, đã là người Việt Nam, chúng ta không thể không cảm phục tinh thần bất khuất của Lê Quýnh và các đồng chí của ông khi phải đối chọi với cả triều đình nhà Thanh. Để hiểu rõ hơn về nhân vật lịch sử này, chúng tôi xin giới thiệu công trình biên khảo mới của tác giả Nguyễn Duy Chính. Ngoài phần mở đầu và phụ lục, biên khảo của tác giả Nguyễn Duy Chính gồm 5 phần: Phần I: Sang Trung Hoa; Phần II: Vận động cứu viện; Phần III: Bị giam ở Bắc Kinh; Phần IV: Trở về nước và Phần V: Kết luận. Phần I, II và III đã đăng trên số 4 (102), số 6-7 (104-105) và số 9 (107) năm 2013.

PHẦN IV TRỞ VỀ NƯỚC

1. Vận động trở về nước

Đến năm Giáp Tý (Gia Long thứ 3, 1804) khi nhà Tây Sơn đã diệt vong, được sự đồng ý của nhà Nguyễn, Thanh triều mới cho các vong thần mang quan tài vua Lê, thái hậu và nguyên tử (con trai vua Lê chết ở bên Tàu) trở về nước. *Quốc sử di biên* chép rằng:

... Tháng Tám [năm Giáp Tý] Trường Phái hầu của nhà Lê cũ Doãn Hựu [黎允佑]⁽¹⁰²⁾ đem hài cốt vua Lê từ nước Thanh trở về. Khi trước, vua tôi họ Lê ở bên nước Thanh từ năm Tân Hợi [1791] thì đã thất tán chỉ còn vài chục người. Người đi theo phân nhiều lấy vợ phương Bắc sinh con cái, riêng Hựu bị giam lâu ngày ở Bắc sở, chỉ còn được một chiếc mũ rách nát đội đã trên mười năm. Năm Canh Thân [1800] vua Gia Khánh mới lên thân chính nên được thả ra cho sống ở bên ngoài. Khi đó Hựu mới biết vua Lê đã qua đời bên chịu tang. Năm Nhâm Tuất [1802], nghe tin nguy Tây [tức Tây Sơn] mất nước, nhiều lần khẩn thiết xin đưa hài cốt vua Lê về nước nhưng không được trả lời.

Đến khi quốc sử sang cầu phong, con Hựu là Trắc [允側] xin làm hành nhân⁽¹⁰³⁾ sang để thăm dò vua và cha. Vua Thế Tổ [tức vua Gia Long] vốn đã nghe tiếng Hựu từ trước nên đồng ý cho đi theo lời cầu. Khi Trắc đi đến Trắc

* California, Hoa Kỳ.

Châu [涿州] gặp được Hựu đội sứ đoàn ở đó, cha con gặp nhau mừng quá nên có thơ rằng:

纔聞每謂人欺我,
及見驚呼汝是誰.

Tài văn mỗi vị nhân khi ngã,
Cặp kiến kinh hô nữ thị thù.

*Thoạt nghe cứ tưởng đâu đùa cợt,
Gặp mới kêu lên ai thế này?*

Nhân thế Hựu cùng đi với phái đoàn đến Yên Kinh cùng với khâm sứ bái yết vua Thanh. Thanh đế khen ngợi bảo cha là tôi trung, con là con hiếu nên ban thưởng rất hậu. Khi sứ thần về nước, Hựu dặn con làm biểu tâu lên vua Thế Tổ, xin cho được về nước và đem hài cốt vua Lê về táng ở nơi tỉnh địa. Vua Thế Tổ thuận cho, khi đó Trắc mới viết thư báo cho Hựu để ông dâng biểu lên vua Thanh xin về. Vua Thanh cũng bằng lòng và cho tất cả những người lưu vong về nước.

Ngày 24 tháng Ba năm nay, Hựu lấy áo mũ quan tài cải thổ cho vua Lê, thái hậu và nguyên tử và những người đi theo lớn nhỏ 18 cỗ, làm thơ khóc Lê đế trong đó có câu:

雲暗龍髯無覓處,
雪封馬鬣有開時.

Vân ám long nhiêm vô mịch xứ,
Tuyệt phong mã liệp hữu khai thời.

*Mây phủ râu rồng tìm đâu thấy,
Tuyệt che bờm ngựa có ngày tan.*

Vua Thanh sai làm bảng ghi rõ, chia ra thành ba nhóm, đi đến đâu được quan lại châu phủ hộ tống [vợ con người tông vong đi đợt đầu, kế đến là hài cốt, các tông thân còn sống đi sau cùng].⁽¹⁰⁴⁾

2. Sau khi về nước

Trong *Bắc hành tòng ký*, Lê Quýnh không viết gì nhiều về cuộc đời ông sau khi từ Trung Hoa trở về. Ngay cả những biến cố lớn liên quan đến việc gặp gỡ Tổng trấn Bắc Thành là Nguyễn Văn Thành hay vào kinh yết kiến vua Gia Long ông cũng đề cập đến rất sơ lược khiến nhiều người phải đặt câu hỏi về sự chính xác của các sự việc xảy ra sau khi ông rời Trung Hoa. Những chi tiết đó dựa vào lời thuật lại của người khác nên chưa chắc đã hoàn toàn là sự thực.

Điều này cũng có thể giải thích được:

- Thứ nhất, từ khi ông về nước đến khi ông qua đời chỉ chưa đầy một năm [ông qua đời ngày 15 tháng Chín năm Ất Sửu (1805)] nên có thể ông chưa có dịp đề cập đầy đủ chi tiết những việc mới xảy ra. Ước vọng sau cùng của vua

Chiêu Thống là được đưa về táng ở quê nhà ông đã hoàn thành, coi như làm tròn nhiệm vụ nên không còn gì đáng nói. Vả lại, theo lời kể của chính ông thì ông vào chùa tu và đã đi tu ất không còn lưu luyến việc bên ngoài.

- Thứ hai, Lê Quýnh đặt nặng những biến cố khi ông làm quan cho nhà Lê và vì lòng trung nghĩa của mình mà bị tù đầy tại Trung Hoa nên không muốn nhắc đến những việc khác dưới triều Nguyễn. Vả lại, tuy vua Gia Long đã diệt được nhà Tây Sơn, gián tiếp trả thù cho vua Lê nhưng cũng không trả nước cho cựu triều khiến ông bất mãn, oán trách luôn cả những cựu thần nhà Lê làm việc cho Tây Sơn nay lại sang làm bầy tôi nhà Nguyễn.

Cũng may, một nhà Nho miền Bắc là Thám hoa Phan Thúc Trực nhân những chuyến công du ở Bắc Hà để sưu tầm tài liệu đã chép tương đối chi tiết. Đó cũng là điều đáng nói vì làm việc trực tiếp với triều đình, Thám hoa họ Phan đã ít nhiều nhận ra sự vô tình hay cố ý phủ nhận tiền triều, không muốn ai còn lưu luyến đến những dòng vua cũ. Tâm lý đó cũng bình thường, những người - ở một vùng đất nay có chủ mới - không thể không có những hoài cảm khi nhìn lại cảnh cũ, gặp lại người xưa. Tâm lý đó thể hiện dưới nhiều hình thức, phần lớn chỉ là thơ văn nhưng cũng có những người ghi chép lại qua sử sách để bổ sung cho những gì mà tân triều cố tình không nhắc đến.

Quốc sử di biên (tập thượng) chép như sau:

... Tháng Bảy năm đó [nhóm Lê Quýnh] đến Nam Quan vào trấn Lạng Sơn, lập bàn thờ ở ngoài thành, Hiệp trấn Nguyễn Duy Thản xuất thân Tiên sĩ, người xã Hương La cùng các tù trưởng các phiên đều đến khóc.

Lê Quýnh đi xuống Thăng Long ngày 26 yết kiến quận công Nguyễn Văn Thành [khi đó là Tổng trấn Bắc Thành], quỳ hồi lâu nhưng không lạy nói rằng vì chưa bái yết vương thượng nên không dám bái tôn công, nay cởi mũ ra xin chịu tội. Nguyễn Văn Thành xua tay:

- Xin ông đứng lên mời uống trà.

Lê Quýnh tạ ơn nói:

- Nước mắt không mưu tính lấy lại, ấy là tội nhân của ngài, nay gặp tôn công, mồ hôi ướt áo. Thế nhưng di hài của cố quân chưa có được một tấc đất để ninh táng, mong tôn công giúp cho.

Thành quận công đáp:

- Ông đừng lo, vương thượng trông ông như người khát nước, vẫn thường nói rằng khi nào ông về đến nơi thì mau mau đến yết kiến, đãi đằng ít lâu. Còn việc của vua cũ, tôi bảo đảm là sẽ vì ông mà hoàn thành.

Lê Quýnh ở lại ba ngày, các quan văn võ cũ mới đều tới gặp nhưng ông từ tạ rồi ra yết kiến Tán lý [Đặng Trần] Thường. Thường vừa gặp ông gọi ngay là Khổng Minh,⁽¹⁰⁵⁾ Hựu không nhận, Thường lại đổi gọi là Tử Phòng.⁽¹⁰⁶⁾ Hựu nói:

- Tướng công gặp được minh quân nên làm được những điều mình muốn nên có thể nhận cái danh Tử Phòng, Hựu này không được như vậy.

Nhân đó xin cáo biệt trở về.

Ngày mồng 6 tháng Tám, Hựu từ Thăng Long lên đường về quê, uống rượu với người thân kể lại nỗi niềm mong nhớ cũ. Ngày mồng 7 đến yết từ đường dòng nhà mình, nhân dịp ăn giỗ bà thím [vợ ông Doãn Trọng]. Ngày 12 quay trở lại Thăng Long bẩm với Thành quận công xin được về kinh trình lời tâu lên vua Thế Tổ, được nhà vua thuận cho đem hài cốt vua Lê về chôn ở làng Bồ Vệ.

Ngày 24 tháng Chín, Thành quận công cho binh lính Bắc thành cùng đình phu các huyện và trấn Lạng Sơn đưa linh cữu vua Lê về Thăng Long, lập trai đàn ở nhà Diên Tự công [tức Lê Duy Hoán, con trai Lê Duy Chỉ được vua Gia Long cho thừa tự tông miếu nhà Lê]. Các di thần và quan văn võ đều mặc đồ tang đến phúng điếu. Các quan tài từ Đình Nhạ Hành trở xuống được thân quyền tiếp nhận theo các bảng tên đem về mai táng.

Hậu [tức Vương phi Nguyễn Thị Kim] người làng Tỳ Bà vào chùa Lã tu từ năm Kỷ Dậu [1789] đến khóc với Doãn Hựu, hỏi kế cho mình, Hựu nói:

- Xuống đất để gặp tiên quân, ấy là thượng kế. Về trông coi hương hỏa ở lăng, ấy là thứ hai.

Hậu nghe lời, uống thuốc độc chết, khi đó 40 tuổi. Tán lý Thường viếng có câu:

節義殘燈下，綱常一酌中。

Tiết nghĩa tàn đăng hạ,
Cương thường nhất chúc trung.

Giữ tiết nghĩa dưới ngọn đèn tàn,
Đạo cương thường ở trong chén thuốc.

Nhà vua hạ chiếu ban cho 4 chữ “Thủ trình tuần tiết” [守貞徇節].

Ngày 28 tháng Mười, Thành quận công phụng mệnh đưa linh cữu vua Lê về táng ở làng Bồ Vệ có Hiệp trấn Thanh Hoa cùng đi lo việc lễ nghi, phụ táng hậu Tỳ Bà ở bên cạnh, thân chủ của hậu thờ ở Tả Vu miếu nhà Lê, lại dựng bia cho bà ở quê quán [làng Tỳ Bà], cho hai người lính trông coi.⁽¹⁰⁷⁾

Sau khi chôn cất vua Lê, Lê Quýnh quay lại Thăng Long bái tạ Thành quận công rồi từ biệt về quê. Ông nhịn ăn 3 ngày, sau đó đến tu ở chùa xã Đại Đồng. Ông có làm thơ rằng:

佛祖容為初弟子，
皇王許作舊間民。

Phật tổ dung vi sơ đệ tử,
Hoàng vương hứa tác cựu nhân dân.

*Phật tổ rộng lòng cho làm đệ tử mới,
Nhà vua thuận cho làm người dân nhàn cũ.*

Lúc đó ông vừa tròn 50 tuổi. Ông thường nói với người quen cũ là Nguyễn Huy Phác rằng:

- Quýnh cũng giống như con gái quê mùa, nhan sắc chẳng lấy gì đẹp đẽ, lại cũng không có nghề nghề gì, được người ta lấy làm vợ đã là may mắn lắm. Nay chẳng may chồng chết sớm nên sống đời đàn bà góa cho tròn danh tròn tiết, nếu không thì còn ra gì nữa.

Nguyễn Huy Phác cho là khéo ví von. Qua đây, chúng ta cũng biết ông tuy về nước nhưng không phục những ai đã làm quan cho nhà Lê nay lại ra làm quan dưới triều Nguyễn. Mà số này không phải ít, có người làm quan cả ba triều kế tiếp, Lê-Trịnh rồi Tây Sơn, nay lại hàng Gia Long. Có lẽ đó cũng là một lý do Lê Quýnh không chép gì thêm những việc ông làm sau khi đưa quan tài vua Lê về táng ở Thanh Hóa.

Theo *Quốc sử di biên*, ông bị cướp đâm ngày mùng 1 tháng Chín năm Gia Long thứ 4 (1805) và từ trần gần nửa tháng sau đó.

Tháng Chín, mùng 1 ăn cướp giết Lê Doãn Hựu và con là Thốt. Hồi đó ở Bình Ngô có tên đầu đảng cướp tên là Bi, tự xưng là Bắc Sứ Soái, thường hay bắt ngờ ra cướp bóc. Lần đó Bi ra cướp và đốt phá ở Ngâm Điền, lấy được rất nhiều tài sản, súc vật. Hựu dẫn người nhà chặn đường đoạt lại. Bi thù hận lắm nên khi đang đêm đem rất đông đồng đảng đến đốt phá nhà Hựu, đâm ông vài mươi nhát. Quan phủ là Nguyễn Đình Tôn lập án sống [nạn nhân còn sống]. Đến ngày 15 [tháng Chín] ông chết, lại lập án chết [nạn nhân đã chết]. Con của Hựu là Trắc và Thốt có ý báo thù, khi đi đâu thường mang binh khí trong người, Bi lại phục kích giết Thốt ở ngoài đồng. Thành quận công sai quan điều tặc, lại theo lệnh vua đem tiền gạo đến để chôn cất, Nguyễn Đăng Sở làm điều văn.⁽¹⁰⁸⁾

Trong dịp này Nguyễn Đăng Sở⁽¹⁰⁹⁾ làm văn tế như sau:

蕉鹿壑蛇, 童牛角馬.
千萬里波濤無恙, 忽然既岸卸虛舟.
二八葭霜雪不侵, 何者未寒凋老柏.
惟餘義烈於人間, 可對君親於地下.
形歸窀穸, 焄蒿之精爽如存.
神返斷堂, 藁草之明誠以妥.

Dịch nghĩa:

*Hươu nơi tàu chuối, rắn ở trong hang.
Trâu còn non, ngựa mọc sừng.
Nghìn vạn dặm sóng to gió cả chẳng hề chi.
Bỗng nhiên đến bờ thuyền lại đắm.
Mười sáu năm sương tuyết không xâm,*

*Sao không được thành cây tùng già chịu rét.
Thế nhưng ông để lại nghĩa liệt chốn nhân gian,
Không thẹn với vua, với mẹ cha nơi chín suối.
Hình về dưới huyết nhưng hương thơm tinh sảng vẫn còn,
Thần trở lại nhà, lều cỏ sáng soi cũng thỏa.*

Lại có đôi câu đối:

文丞相孤忠, 故鄉更遂黃冠願.
蘇中郎大節, 勝國難欺白髮心.

Văn thừa tướng cô trung, cố hương cánh toại hoàng quan nguyên.
Tô trung lang đại tiết, thắng quốc nan khi bạch phát tâm.

*Trung nghĩa không khác gì Văn thừa tướng, được về nước thỏa nguyện
đôi mũ vàng.*

*Tiết lớn giống như Tô trung lang, nước kia không thể khinh tẩm lòng tóc
bạc được.*

箕在已非商, 龜範莫能淪厥志.
蘇還猶是漢, 麟臺何恥殿諸臣.

Cơ tại dĩ phi Thương, quy phạm mạc năng du quyết chí.
Tô hoàn do thị Hán, lân đài hà sỉ diện chư thần.

*Ông Cơ còn nhưng Thương đã mất, quy phạm trong chí vẫn không quên.
Ông Tô về thì nhà Hán còn, đài lân không thẹn với các bầy tôi khác.*

Nguyễn Đăng Sở cũng viết bài văn bia ca ngợi khí tiết của hai anh em
Lê Quýnh và Lê Trị vào tháng Sáu năm Gia Long thứ 12 [Quý Dậu, 1813].⁽¹¹⁰⁾

故黎朝從臣墓碑

侯姓黎, 超類縣大卯社人, 黎朝景興癸亥科進士, 刑部左侍郎岱岩侯之冢子, 名囧. 侯之堂弟黎值, 乃黎朝景興戊辰科進士, 諒山總鎮秀川侯之弟五男也.

侯以掌侍衛有功, 累封長派⁽¹¹¹⁾侯, 黎值奉執羈勒有功, 賜爵超嶺侯.

昭統元年十二月朔, 西山將兵侵薄昇龍城, 御駕北遜于諒江, 侯率家丁翊駕, 自北而東. 二年戊申二月, 侯奉跟尋太后與元子于高平, 爲西兵所迫, 遂奉投內地之南寧府.

事聞大清皇帝, 特命侯從廣東路回探國情. 既復, 乃命兩廣總督孫士毅提師救援. 十一月克復京城, 乘輿反正. 時用乏兵少, 侯以平章事總督兵餉, 超嶺侯北使迎太后與元子至自南寧. 三年己酉正月, 西山兵潛至, 孫總督兵潰退北走, 御駕亦從北幸. 比至燕京, 悉令薙髮受封, 無復有再援⁽¹¹²⁾意. 侯居國募兵裹糧, 預先措置, 日望援兵再來.

涉夏徂冬, 竟無聲息, 乃與弟黎值及同志鄭憲, 李秉道等進關, 謀圖恢復. 既至, 竟不許面君, 迫之剃髮改裝. 不受, 拘禁于獄, 凡十三年, 脅威利誘, 終不能奪. 侯嘗有詩云:

身困十年懷素節,
命隨一髮表丹衷.

其見於文墨者非一. 黎故君在日, 命緣其辭, 顏曰: 四公詩集. 北朝稱爲黎家四義士.

逮嘉隆元年壬戌, 西山賊既平, 侯長子允倬奉從使部來探聲息. 三年甲子, 北朝咨交回國, 乃得全髮以歸. 再願奉迎黎故君玉棺及太后元子骸骨, 返葬于清化. 禮畢, 卽于本縣大同社寺居住. 其詩有云:

佛祖遺來訓弟子，
皇天許作舊閒人。

壯哉！

十七年間，始終不變，黎從義臣有四，而侯之兄弟居其二，成⁽¹¹³⁾古人所謂罕見也。

夫讀聖賢之書，行聖賢之道，侯之謂乎？

我朝皇帝嘉其志節，屢年恩頒，閒養餘年，侯遂其願。

乙丑九月十六日，侯卒。

超嶺侯遵其遺囑，上京晉謁，再乞回貫安養，日久與親舊娛樂者，嘗粘[謝天清福]四字以見志。

十年辛未三月初八日，以壽終於家。

噫！二侯故家令胄，體國遺臣，進退之間，忠孝無嫌，其操守為何如？

蓋有長派侯為之兄，所以識超嶺侯之志；有超嶺侯為之弟，益以白長派侯之忠。

一間兄弟，忠義攸兼，有以光前史，而揚後來，炳炳燁燁，視列先君子真無忝矣。

爰祀其事，以壽于石云。

皇朝嘉隆十二年癸酉復月穀日，黎昭統丁未正進士阮堅甫撰。

Dịch nghĩa:

Bia mộ tông thần triều Lê cũ

Hầu họ Lê tên Quỳnh là người huyện Siêu Loại, làng Đại Mão. Hầu là con trưởng của Tiến sĩ khoa Quý Hợi đời Cảnh Hưng triều Lê là Hình Bộ Tả thị lang Đại Nham hầu [tức Lê Doãn Giản].

Đường đệ [em họ] Lê Trị là con trai thứ năm của Tú Xuyên hầu, Tổng trấn Lạng Sơn, Tiến sĩ khoa Mậu Thìn đời Cảnh Hưng triều Lê. Hầu cai quản thị vệ có công nên được phong Trường Phái hầu⁽¹¹⁴⁾ còn Lê Trị có công đi theo hộ giá nên được ban tước Siêu Lãnh hầu.

Ngày sóc tháng Chạp năm Chiêu Thống nguyên niên [Đinh Mùi-1787], Tây Sơn đem binh xâm phạm kinh thành Thăng Long, nhà vua phải chạy lên phương Bắc lánh ở Lạng Giang, hầu đem gia binh bảo vệ từ đất Bắc chạy sang xứ Đông. Tháng Hai năm Chiêu Thống thứ hai [Mậu Thân], hầu được lệnh đi tìm thái hậu và nguyên tử ở Cao Bình, bị quân Tây Sơn bức bách nên phải chạy vào phủ Nam Ninh thuộc nội địa [tức đất Trung Hoa].

Nội vụ tâu lên hoàng đế Đại Thanh nên đặc biệt sai hầu đi theo đường Quảng Đông về thám thính tình hình trong nước. Khi quay trở lại, vua Thanh sai Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị đem binh cứu viện.

Tháng Một lấy lại kinh thành, vua Lê trở về nắm quyền. Lúc đó quân dụng thiếu thốn, binh lính ít ỏi nên hầu được giao cho chức Bình chương sự đốc thúc việc quân nhu, còn Siêu Lãnh hầu thì được sai đi sang đất Bắc nghênh đón thái hậu và nguyên tử ở Nam Ninh.

Tháng Giêng năm Chiêu Thống thứ 3 [Kỷ Dậu], quân Tây Sơn lên tới, Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị bị thua chạy về phương Bắc, nhà vua cũng sang theo. Khi đi gần tới Yên Kinh thì có lệnh phải cắt tóc để được phong chức, không còn có ý giúp đỡ nữa.

Hầu ở trong nước mộ binh tích lương, sắp đặt mọi việc để chờ viện binh quay lại. Hết hạ sang đông, vẫn không nghe tin tức gì nên cùng em là Lê Trị và các đồng chí Trịnh Hiến, Lý Bình Đạo tiến quan để mưu tính chuyện khôi phục.

Khi sang đến nơi rồi thì bị ép phải cắt tóc, thay đổi y phục nhưng hầu không chịu nên bị giam vào trong ngục. Trong 13 năm, dù lấy uy mà ép, lấy lợi mà dụ nhưng vẫn không khuất phục được. Hầu thường ngâm thơ rằng:

Thân khốn thập niên hoài tố tiết,
Mệnh tùy nhất phát biểu đan trung.

*Thân phải tù đầy mười năm vì giữ khí tiết trắng,
Số mệnh theo mái tóc để tỏ tấm lòng son.*

Những câu như thế trong văn chương không phải chỉ một lần. Khi vua Lê còn sống đã sai người sao lục các câu đó thành một tập nhan đề “Tứ công thi tập” còn triều đình phương Bắc thì gọi là “Bốn nghĩa sĩ họ Lê”.

Mãi đến năm Nhâm Tuất, Gia Long nguyên niên, sau khi bình xong giặc Tây Sơn, con trưởng của hầu là Doãn Trác được sai đi theo sứ bộ để thăm hỏi tin tức. Năm Giáp Tý, Gia Long thứ 3, triều đình phương Bắc thuận cho về nước, hầu được mang theo mái tóc trở về. Lại xin được mang ngọc quan của vua Lê và hài cốt thái hậu, nguyên tử đem về táng tại Thanh Hóa.

Sau khi tang lễ xong, hầu liền về chùa xã Đại Đồng bản huyện cư ngụ. Có thơ rằng:

Phật tổ di lai huấn đệ tử,
Hoàng thiên hứa tác cộ nhân nhân.⁽¹¹⁵⁾

*Phật tổ để lại dạy đệ tử,
Hoàng thiên vẫn cho người cũ được sống nhân.*

Thật là hùng tráng thay!

Trong mười bảy năm, trước sau không dời đổi, nghĩa thần nhà Lê đi theo vua có bốn người thì anh em của hầu đã chiếm hai, thành một việc xưa nay ít thấy. Phàm những ai đọc sách thánh hiền, đi theo đạo thánh hiền thì phải như hầu vậy.

Hoàng đế triều ta ngợi khen khí tiết, ban ơn nhiều năm cho hưởng nhân lúc cuối đời để hầu được toại nguyện.

Ngày 16 tháng Chín năm Ất Sửu, hầu qua đời. Siêu Lãnh hầu tuân theo di chúc, về kinh yết kiến Hoàng đế rồi xin về quê an dưỡng, vui vầy với thân thuộc nhiều năm, thường dán bốn chữ “Tạ thiên thanh phúc” để tỏ chí mình.

Ngày mồng 8 tháng Ba năm Tân Mùi, Gia Long thứ 10, ông chết già ở nhà.

Ôi! Cả hai hầu đều thuộc dòng thế gia, di thần nước lớn, trong điều tiến thoái, trung hiếu không hiềm thì giữ gìn như thế nào? Ấy là vì Trường Phái hầu là anh, biết cái chí của Siêu Lãnh hầu. Lại nữa Siêu Lãnh hầu là em, làm sáng tỏ cái trung của Trường Phái hầu.

Hai anh em như thế, trung nghĩa kiêm toàn không những làm rạng vẻ sử đời trước mà còn cho cả đời sau, vằng vặc bùng bùng, thật không thẹn với các vị quân tử.

Nay ghi lại để khắc lên trên đá.

Cốc nhật phục nguyệt năm Quý Dậu, hoàng triều Gia Long thứ 12, chính Tiến sĩ triều Lê Chiêu Thống Nguyễn Kiên Phủ soạn.

Ngoài bài văn bia, *Nam thiên trung nghĩa thực lục* cũng còn chép những câu đối [có lẽ do người đồng thời phúng viếng]:⁽¹¹⁶⁾

華夏春秋留姓字,
泉臺面目見君親.

Hoa hạ xuân thu lưu tính tự,
Tuyền đài diện mục kiến quân thân.

*Sử sách Trung Hoa để lại tên tuổi,
Dưới suối vàng còn mặt mũi thấy nhà vua.*

名節鳴千古,
風標作十夫.

Danh tiết minh thiên cổ,
Phong tiêu tác thập phu.

*Danh tiết vang mãi đến nghìn năm,
Phong cách có thể bằng mười người.*

山河正氣文丞相,
拘禁貞心蘇子卿.

Sơn hà chính khí Văn thừa tướng,
Cầu cấm trinh tâm Tô tử khanh.

*Chính khí sơn hà như Văn thừa tướng,
Tấm lòng trinh giữ được như Tô tử khanh.*

有誓往周鼎, 寧甘屈宋轅.
君親如可報, 生死安足論[?]
名節俱千古, 忠賢萃一門.
貞砥留姓字, 正氣浩如存.

Hữu thệ vãng Chu đỉnh,
Ninh cam khuất Tống hiên.
Quân thân như khả báo,
Sinh tử an túc luận.
Danh tiết câu thiên cổ,
Trung hiên tụy nhất môn.
Trinh để lưu tính tự,
Chính khí hạo như tồn.

*Đã thề giữ đỉnh nhà Chu,
Nên đành theo vua như đời Tống.
Thờ vua nếu báo được,
Sống chết đâu có tính đến.
Danh tiết còn mãi đến nghìn năm,
Một nhà có cả trung lẫn hiền.
Kiên trình giữ mãi để lại tên tuổi,
Chính khí mệnh mông vẫn còn đó.*

PHẦN V KẾT LUẬN

Trong khoảng mười năm cuối của thế kỷ XVIII, tình hình nước ta biến chuyển đã nhiều mà chính sách của Thanh triều cũng thay đổi lớn. Từ trước đến nay, các sử gia Việt Nam chỉ quan tâm đến đời sống của vua Lê và những người đi theo nhưng quên rằng mọi sinh hoạt của họ đều ít nhiều liên quan đến thực tế chính trị ở bên ngoài. Ảnh hưởng đó hầu như không rõ rệt nhưng chúng ta vẫn thấy có liên hệ nhân quả ít nhiều.

Thời kỳ nhà Thanh ưu đãi triều đình Quang Trung. Trong giai đoạn đầu khi vua Càn Long đặc biệt sủng ái Nguyễn Quang Bình thì hầu như vua Lê và tông thần bị khép theo vào quy luật - là dân thiên triều thì phải theo tục lệ nội địa - tương đối chặt chẽ. Biết ý vua Càn Long không muốn tạo nghi kỵ hay ngờ vực cho vua Quang Trung, những người đối nghịch bị an táp ở xa biên giới, chia ra thành nhiều nhóm nhỏ và những ai vướng binh đều bị hạ ngục. Đôi khi họ còn bị cưỡng bách nên phải phản ứng một cách quyết liệt bằng cách nhịn ăn.

Thời kỳ bị lãng quên. Sau thời gian “*trăng mật*” giữa hai triều đình nhất là từ khi vua Quang Trung qua đời, tình hình bang giao Thanh-Việt tương đối lắng đọng. Tổng kết lại những văn thư giao thiệp liên quan đến nước ta trong *Thanh thực lục* những năm sau đó giảm hẳn, ngoại trừ năm 1796 có một số thư từ liên quan đến việc tiêu trừ hải phi.

Tổng kết văn kiện liên quan đến nước ta đời Tây Sơn

Năm	Số văn thư	Chú thích
1788	30	Chiến dịch đem quân sang Thăng Long
1789	72	Phong vương và tiếp đón sứ thần
1790	68	Tiếp đón phái đoàn Nguyễn Quang Bình
1791	25	Tạ ơn, tiến cống
1792	9	
1793	14	Tin vua Quang Trung mất và diếu tang, phong vương
1794	4	
1795	4	
1796	14	Vua Gia Khánh lên ngôi và tiêu trừ hải phi
1797	6	
1799	4	Vua Gia Khánh thân chính
1800	3	

Kể từ năm 1792 trở về sau, triều đình Cảnh Thịnh phải dốc sức đối phó với sự tấn công dồn dập của chúa Nguyễn từ phương Nam, không còn thông thả để thù tạc với Thanh triều nên việc giao thiệp nặng phần nghi lễ hơn là thân thiết. Trong khi đó, sau khi thoái vị lên làm Thái thượng hoàng - từ 1796 đến 1799 - vua Càn Long càng chú trọng đến các buổi yến tiệc và tiếp đón sứ thần vốn dĩ rất phiền toái nhưng lại là hình thức mà ông ưa thích nhất. Tuy vua nhà Thanh lúc đó là Gia Khánh nhưng những việc quan trọng vẫn do Thượng hoàng quyết định dưới sự cầm trịch của Hòa Khôn đứng ở hậu trường nên vấn đề liên hệ với An Nam cũng không còn được quan tâm nhiều như trước.

Ngay khi vua Càn Long vừa qua đời, vua Gia Khánh lập tức tước hết mọi chức vụ của Hòa Khôn, Phúc Khang An... và tịch biên gia sản.⁽¹¹⁷⁾ Chính những tranh chấp và âm mưu sau bức tường Tử Cấm Thành đã ảnh hưởng đến vua Lê và bầy tôi một cách gián tiếp. Đặc ân cho các tông thần nhà Lê có thể coi như một khẳng định của vua Gia Khánh không muốn tiếp tục đường lối ngoại giao cũ của Thái thượng hoàng.

1. Ân số chính trị hậu trường

Trước đây khi tìm hiểu về nhóm vua Lê chạy sang Trung Hoa các nhà nghiên cứu đặt trọng tâm vào những gì xảy ra cho họ mà ít khi nhắm vào hoàn cảnh chính trị và đường lối ngoại giao của Thanh triều. Trong đường lối ứng xử cho thích hợp, vua Càn Long [với sự tiếp tay triệt để của các quan lại trung ương và địa phương] giải quyết hai vấn đề cùng một lúc:

- Hợp thức hóa việc chấm dứt yểm trợ cho nhà Lê.

- Nỗ lực giải trừ những hậu quả mà vua tôi nhà Lê có thể làm phương hại đến bang giao Thanh-Tây Sơn.

Để chấm dứt yểm trợ cho vua Lê và nhất là có chính nghĩa cho việc không động binh lần thứ hai, vua Càn Long nêu ra những lý do sau đây:

1. Lê Duy Kỳ hèn yếu vô năng không giữ được nước, nếu có giúp thì sau này cũng mất.

2. Nguyễn Quang Bình thành thực đầu thuận và thi hành những đòi hỏi mà vua Càn Long đưa ra.

Về việc giải trừ những hậu quả bất lợi có thể làm hỏng kế hoạch mời Nguyễn Quang Bình sang dự lễ Bát tuần Khánh thọ, nhà Thanh đưa ra hai biện pháp:

1. An táp vua tôi nhà Lê ở xa biên giới để họ không thể mưu tính việc liên lạc và gây rối ở trong nước.

2. Tìm cách đưa các nhân vật chủ chốt trong nhóm nhà Lê sang Trung Hoa để giải trừ những nguy hiểm cho tân triều.

Để chấm dứt việc yểm trợ cho nhà Lê một cách danh chính ngôn thuận, chúng ta thấy có hai chi tiết được sắp đặt một cách chu đáo:

- Vua Càn Long chiếu theo lời tâu của Tôn Sĩ Nghị đã đánh giá rằng Lê Duy Kỳ hèn yếu vô năng không xứng đáng.

- Tôn Sĩ Nghị đã báo cáo lên vua Càn Long rằng Lê Duy Kỳ ôm con bỏ chạy trước khi quân của Nguyễn Huệ kéo đến khiến cho dân chúng náo loạn đưa đến việc thất trận.

Tuy nhiên, đối chiếu nhiều tài liệu khác nhau nhất là những bản gốc còn lưu trữ, người ta có thể tìm thấy nhiều chi tiết được thêm vào, bớt đi và một số tấu triệp đã bị xóa bỏ những phần bất lợi cho vua Càn Long.

Trong cùng một thời kỳ, một mặt nhà Thanh hạ thấp vai trò và tư cách của vua tôi nhà Lê ngõ hầu có thể chấm dứt yểm trợ họ mà không mang tiếng là đi ngược lại với những giá trị đạo lý hàng rao giảng và cũng phủ nhận cả mục tiêu *“hưng diệt kế tuyệt, tự tiểu tồn vong”* do chính họ đề cao.

Mặt khác họ đề cao kẻ thù cũ là triều đình Tây Sơn, nhấn mạnh về sự thần phục chân thành [thâu thành] như trao trả tù binh, lập miếu thờ tướng lãnh nhà Thanh... và nhất là hai bên không có liên hệ quân thần nên Nguyễn Quang Bình không phải là một kẻ phản nghịch.

Để xác định rằng họ hoàn toàn chấm dứt việc yểm trợ cho nhà Lê, vua Càn Long sai Phúc Khang An sắp xếp để phái đoàn Nguyễn Quang Hiển được gặp vua tôi Lê Duy Kỳ đã cạo đầu, thắt đuôi sam và đổi sang y phục Trung Hoa đồng thời đưa người của Tây Sơn về nước tường trình lại.

Vua Lê và tông thần cũng không còn được ở Quảng Tây mà đưa lên kinh đô, lập thành một tá lãnh thuộc quyền Hán quân kỳ binh dưới sự giám sát của Đô thống Kim Giản. Những người không quan trọng hay ít thân cận với vua Lê thì bị đưa đi các tỉnh, mỗi nơi một ít cho dễ quản thúc.

Bên cạnh việc cấm cố vua Chiêu Thống và những người chạy sang Trung Hoa, nhà Thanh cũng còn tìm cách chiêu dụ những thành phần chống Tây Sơn ở trong nước ra ngoài để tình hình trị an sớm hoàn tất ngõ hầu Nguyễn Quang Bình yên tâm đi chúc thọ. Việc chiêu dụ đó thành công dễ dàng vì những nhân vật hoài Lê vẫn tưởng rằng nhà Thanh sẽ giúp vua Lê một lần nữa và khi sang nội địa họ sẽ được sử dụng như một nhóm tham mưu hay hướng đạo.

2. Nỗi ám ảnh của vua Càn Long

Khi đề cập đến việc vua Chiêu Thống và bầy tôi ở Trung Hoa, sử nước ta thường nhấn mạnh việc nhà Thanh đánh lừa họ để tự nguyện cắt tóc, thay áo. Việc đơn giản hóa một chính sách để miêu tả hậu quả chứ không truy tìm nguyên nhân, đưa đến những phán xét thiếu trung thực.

Quả thực nhà Thanh đã đánh lừa vua tôi họ Lê - theo nghĩa đen là dùng một việc này để làm một việc khác - nhưng không phải chỉ là vài câu nói trí trá mà là sự thay đổi kế hoạch đưa Lê Duy Kỳ và tông thần vào những chuyện đã rồi.

Tuy nhiên, khi tìm hiểu kỹ thỉnh thoảng chúng ta vẫn còn tìm được trong kho văn thư của Thanh triều một số khúc mắc họ cố gắng vượt qua - trong lý của kẻ mạnh nhưng lại yếu trên đạo nghĩa. Vua Càn Long cũng biết rằng một cuộc chiến thứ hai sẽ gây rất nhiều tổn kém và sa lầy còn đáng ngại hơn cả cuộc

chiến Miến Điện nên ông tìm cách trút bỏ trách nhiệm thiên triều, đổ hết tội cho thuộc quốc và hợp thức hóa việc công nhận một giòng họ mới. Công tác xóa bài làm lại đó đã được dàn dựng một cách chu đáo từ việc ngụy tạo chiến công, thủ tiêu chứng cứ đến việc tìm lý lẽ để bào chữa cho sai lầm từ trung ương.

Quan lại nhà Thanh, với khôn khéo của người biết ý cấp trên, một mặt thực hiện việc bôi xóa chứng tích, mặt khác luôn luôn nhận lỗi về phần mình đã không tuân theo thánh dụ của hoàng thượng sớm triệt binh để đến nỗi bị đánh úp.

Đề cao vai trò của Nguyễn Quang Bình, vua Càn Long cố tình biến việc quốc vương An Nam đích thân đưa một phái đoàn sang chúc thọ thành một sự kiện vô tiền khoáng hậu xứng đáng với những ân điển vượt bậc mà ngay con ruột ông hay cận thần cũng không được hưởng. Việc vua Càn Long liên tiếp ban ơn một cách rộng rãi không khỏi đưa đến những hoài nghi về thiện chí của Thanh triều đáng để soi rọi lại nhiều vấn đề, nhiều chính sách của Trung Hoa trong lịch sử.

Tuy sự rình rang này khiến Thanh triều tốn phí về vật chất nhưng dầu sao cũng chưa vi phạm một nguyên tắc đạo đức như việc vô hiệu hóa vua Chiêu Thống và tông vong. Trong vai trò đại diện cho một đẳng tối cao để chặn dất thiên hạ, vua nhà Thanh phải tuân thủ một nguyên tắc vô hình: đó là mỗi giềng Khổng Mạnh vốn dĩ là xương sống của văn minh Trung Hoa. Thiên tử có thể quan sát những vấn đề hàng ngày xảy ra quanh mình để nhận biết mình đang đúng hay sai, tốt hay xấu.

Một biến cố rất có thể đã khiến vua Càn Long dao động là cái chết tương đối đột ngột của hoàng tử thứ sáu Chất Thân vương Vĩnh Dong (永瑢) đầu tháng Năm năm Canh Tuất, Càn Long 55 (1790). Chất Thân vương vốn rất được vua Càn Long thương mến, vừa có tuổi lại diễm đạm chín chắn. Ông đã được cử làm Tổng tài biên soạn Tứ khố toàn thư, lại được chỉ định để tổ chức đại lễ Thất tuần Khánh thọ rồi Bát tuần Khánh thọ là vai trò mà nhiều người cho rằng chuẩn bị để lên nối ngôi khi nhà vua thoái vị.⁽¹¹⁸⁾

Vĩnh Dong qua đời trong khi ngày đại lễ vinh quang tốt đỉnh gần kề khiến cho vua Càn Long nghĩ rằng mình đã làm một tội gì rất lớn đưa đến sự trừng phạt như một cảnh cáo của trời đất. Phải chăng một mặt vua Càn Long nêu cao đạo lý cương thường nhưng mặt khác ông lại ép những người An Nam phải bất trung, bất hiếu? Tuy chỉ giương một cái càn nhỏ lên chống lại cỗ xe, bốn người bọn Lê Quýnh đã hiên ngang bảo vệ một truyền thống sáng ngời, là tấm chắn vô hình giúp cho họ được toàn mạng trong một xã hội mà hoàng đế có quyền tối thượng. Trong bối cảnh chung, việc vua Càn Long gặp nhóm Lê Quýnh ở hành tại trên đường đông tuần, sau đó lại dạn dờ dừng để cho họ nhin ăn mà chết để thiên triều khỏi mang tiếng là “*vì Nguyễn Quang Bình mà bức tử cựu thân họ Lê*” thể hiện sự áy náy của ông về đạo lý mà bốn người Việt nêu cao.

Dù Lê Quýnh và đồng chí của ông rất ngang bướng, nhà Thanh cũng chỉ đi đến trừng phạt sau cùng là cái án “*bất tuân*” [không tuân lệnh trên] để giam họ vô thời hạn chứ không thể đầy họ đi xa hay xử tử họ như một tội nhân bình

thường khác. Chính vì thế những cao triều và thoái triều trong toàn bộ bang giao Thanh-Việt cuối thế kỷ XVIII cần được quan tâm rộng rãi hơn.

Thời thay ngôi, đổi chủ nào cũng có một số người biết khai thác hoàn cảnh để lựa gió xoay chiều nhưng cũng nhiều người thà chết chứ không luôn cúi. Bên cạnh đó, cũng có kẻ lợi dụng ưu thế nhất thời của mình để chèn ép, lấn khi vu cáo những người trước đây có thù oán riêng tư. Những người được coi là công thần của triều đại này lại bị coi là đại nghịch của triều đại khác, việc đó cũng là lẽ thường. Riêng với Lê Quýnh, thái độ chính trị của ông đúng hay sai còn tùy vào nhận định và quan điểm của từng người. Tuy nhiên, dù ở phía nào, đã là người Việt Nam chúng ta không thể không cảm phục ông về sự bất khuất nhất định không chịu cắt tóc, đổi áo theo người Thanh, dù phải chịu không biết bao nhiêu đày đoạ trong 15 năm lưu lạc. Tấm lòng son sắt đó không phải chỉ đối với một họ Lê mà đối với cả dân tộc, cả giống nòi, dù thời đại nào cũng không mấy người theo kịp.

Tiểu sử của Lê Quýnh không đóng góp nhiều vào những biến động lịch sử. Tuy trong một số giai đoạn, ông có tham gia vào tình hình chính trị của Bắc Hà nhưng trên thực tế ông không đóng vai trò quyết định. Cho nên vai trò của ông mang tính chứng nhân hơn là người trong cuộc.

Mà không phải chỉ riêng ông, cả triều đình nhà Lê cũng cùng chung một cảnh ngộ. Từ vua chí quan họ chỉ là những người được đưa ra để làm bề ngoài cho những mưu tính chính trị bên trong. Cho nên họ không được tham dự và cũng không chịu trách nhiệm về thành hay bại. Dù hoàn cảnh khắc nghiệt, nhiều người trong số đó vẫn dám ngẩng cao đầu để giữ cho mình một tư thế không dời đổi. Tuy chỉ vài mươi gia đình sống hiu quạnh trong một con hẻm ở ngoại ô Bắc Kinh, nhóm người nhỏ bé đó vẫn giữ được vua ra vua, tôi ra tôi, yêu thương đùm bọc nhau khi sống cũng như khi chết, há chẳng phải là một tấm gương sáng cho chúng ta hay sao?

Chính vì sự nổi bật đó, trong ngôi từ đường thờ những thần tử tiết nghĩa cuối đời Lê xây năm Tự Đức thứ 10 (1857), linh vị của Lê Quýnh được đặt ngay chính giữa với hàng chữ:

故黎節義, 同平章事長派侯, 謚忠毅, 黎罔之位

Cố Lê tiết nghĩa, Đồng bình chương sự Trường Phái hầu, thụy Trung Nghị, Lê Quýnh chi vị.

Lê Quýnh cũng là người duy nhất được ban tên riêng với chữ Trung là thụy danh cao quý nhất.

Trong *Việt sử tổng vịnh*, vua Tự Đức khen ngợi Lê Quýnh như sau:

聞嚴將軍頭, 與嵇侍中血.
又張睢陽齒, 及顏常山舌.
炎方豈無人, 有長派侯髮.
始云大義伸, 終是陰謀設.
徒然嘆忠臣, 畢竟私僞孽.
不特忘忠義, 難辯遺體闕.
能全忠孝歸, 大邦足愧殺.

Dịch nghĩa:

*Nghe đầu Nghiêm tướng quân,⁽¹¹⁹⁾
Cùng máu Kê thị trung.⁽¹²⁰⁾
Lại rằng Trương Tuy Dương,⁽¹²¹⁾
Cùng lưỡi Nhan Thường Sơn.⁽¹²²⁾
Phương nam đâu phải không có người,
Cũng có tóc Trường Phái hầu.
Mới đầu là để vượn đại nghĩa,
Nhưng cũng bởi do âm mưu cả.
Than ôi kẻ trung thân,
Đều do tội của ngụy.
Không quên điều trung nghĩa,
Chẳng cắt tóc khuyết thân thể.
Về nước toàn trung hiếu,
Đại bang sợ nên không giết được.*

Ở một nghĩa rộng hơn, chúng ta cũng có thể coi thái độ bất khuất của Lê Quýnh như một biểu trưng của chính dân tộc Việt trong giao thiệp với người láng giềng phương Bắc. Nhà Thanh khi nhân danh một đại quốc nêu cao tính chính thống để can thiệp vào các nước nhỏ ở chung quanh, lại bị vướng ngay vào những điều họ hằng rao giảng.

Nếu không có 4 người “*An Nam nghĩa sĩ*” đó, trang sử của nhà Thanh can thiệp vào nước ta có thể khép lại ngay sau khi nhóm vua Lê được “*an táp*” ở Bắc Kinh. Tuy nhiên, thái độ của Lê Quýnh đã nhen nhúm một tia lửa hy vọng và dù không thành công trong việc vận động để xin một mảnh đất dung thân, cuối cùng di hài vua Lê và 17 người khác cũng được mang về nước để khởi thành những oan hồn uống tử lang thang nơi xứ lạ. Dù sa cơ, dù thất thế, mãi mãi họ vẫn còn là người Việt Nam.

N D C

CHÚ THÍCH

- (102) Tên khác của Lê Quýnh.
- (103) Người đi trong phái đoàn nhưng chỉ đảm trách những việc không quan trọng.
- (104) Phan Thúc Trực. *Quốc sử di biên* [1965], tr. 39-40 (NDC dịch).
- (105) Túc Gia Cát Lượng, quân sư của Thục Tiên chúa Lưu Bị đời Tam quốc.
- (106) Túc Trương Lương, quân sư của Hán Cao Tổ Lưu Bang.
- (107) *Quốc sử di biên*, sdd, tr. 40-41.
- (108) *Quốc sử di biên*, sdd, tr. 50.
- (109) Nguyễn Đăng Sở [阮登璣] hiệu Kiên Phủ, người Hương Triện, huyện Gia Định (sau đổi là Gia Bình), Kinh Bắc sinh năm Giáp Tuất (1754), đậu Hoàng giáp năm Chiêu Thống nguyên niên (Đinh Mùi, 1787), làm Hiệu lý Hàn Lâm Viện tước Hương Lĩnh bá. Làm quan thời Tây Sơn đến chức Tả thị lang Bộ Lại, Phó sứ trong phái bộ sau cùng triều Tây Sơn.
- (110) *Lê triều tiết nghĩa lục* (黎朝節義錄). Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* [VI], (1987), tr. 115-6.
- (111) Trong sách viết nhằm thành chữ hà [河].
- (112) Trong sách viết nhằm thành chữ thụ [授].
- (113) Trong sách viết nhằm thành chữ thành [誠].

- (114) Trong *Nam thiên trung nghĩa thực lục* chép là Trường Hà hầu, ở đây chúng tôi đổi sang Trường Phái hầu cho thống nhất với các tài liệu khác.
- (115) Hai câu này có khác đôi chút với hai câu chép trong *Quốc sử di biên* (1965), tr. 42 [Phật tổ dung vì sơ đệ tử, Hoàng vương hứa tác cộu nhân dân] tuy nghĩa tương đồng.
- (116) *Lê triều tiết nghĩa lục* (黎朝節義錄). Trần Khánh Hạo (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* [VI], (1987), tr. 116-7.
- (117) Theo chính sử thì 5 ngày sau khi Thái thượng hoàng qua đời, Hòa Khôn mới bị hạ ngục nhưng theo những người thân cận, thì ngay lập tức vua Gia Khánh đã xuống tay mặc dầu chiếu chỉ viết chậm lại 5 ngày để tỏ lòng hiếu thảo với vua cha.
- (118) Về việc chỉ định người kế vị, theo truyền thống hoàng đế tại vị giữ bí mật và để di chiếu trong một hộp kín nên có nhiều giả thuyết và vua Càn Long đã thay đổi nhiều lần vì nhiều hoàng tử chết sớm. Xem thêm Ch. 12 "Secret Succession and the Control of Cliques" trong *Monarchy in the Emperor's Eyes: Image and Reality in the Ch'ien-lung Reign* (1971) tr. 231-247.
- (119) Trương Phi đánh Ba Thục, bắt được Nghiêm Nhan. Nhan không chịu đầu hàng, nói rằng: ở xứ Thục có anh tướng quân đứt đầu chứ không có tướng quân đầu hàng.
- (120) Vua Hoài Đế nhà Tấn bị giặc đuổi, quan thị trung Kế Thiệu đưa mình che tên cho vua, bị bắn chết, rảy máu lên áo vua.
- (121) Đời nhà Đường, An Lộc Sơn làm phản, Trương Tuấn khởi quân đánh giặc, nhưng thua trận và bị bắt. Trương Tuấn mắng giặc luôn miệng, bị giặc bẻ hết hai cái răng.
- (122) Nhan Kiều Khanh bị giặc bắt, bị giặc cắt đứt lưỡi, nhưng vẫn cứ chửi mãi không thôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hán văn

1. Bá Dương. *Trung Quốc nhân sử cương* (中國人史綱) (thượng và hạ, tu đính bản), Đài Bắc: Tinh Quang xuất bản xã, 1996.
2. Chiêu Liên. *Khiếu Đình tạp lục* [嘯亭雜錄], 10 quyển, Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 2002.
3. *Đại Việt quốc thư* [大越國書], (6 quyển), bản chép tay, số hiệu A.144, Paris, EFEO MF II.85.
4. Đinh Lệnh Uy. *Tang thương lệ sử* (桑滄淚史), tạp chí *Nam Phong* (phần Hán Văn), quyển 23, Hà Nội, 1928.
5. Lam Ngọc Xuân. *Trung Quốc ngoại giao sử - Bản chất dữ dự kiện, xung kích dữ hồi ứng* (中國外交史 - 本質與事件, 衝擊與回應), Đài Bắc: Tam Dân thư cục, 2007.
6. Lê Quỳnh. *Bắc hành lược ký* đăng trong *Nam Phong tạp chí*, phần Hán Văn từ số 125-131.
7. Lê Quỳnh. *Bắc hành tùng ký* trong *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* [quyển VI], do Trần Khánh Hạo và Vương Tam Khánh chủ biên (Paris-Taïpei: École Française d'Extrême-Orient, 1986).
8. Lê Quỳnh. *Bắc hành tùng ký*, bản chép tay lưu trữ tại Viện Hán Nôm [Hà Nội] (VHv108) được in lại theo lối chụp ảnh trong *Việt Nam Hán văn yên hành văn hiến tập thành* [tập VI], (Phục Đán đại học xuất bản xã, 2010).
9. Lưu Ngạn. *Trung Quốc ngoại giao sử* (中國外交史), Đài Bắc: Tam Dân thư cục, 1990 (in lần thứ tư).
10. Phan Thúc Trực. *Quốc sử di biên* (國史遺編), Hương Cảng: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 1965.
11. Phó Khải Học. *Trung Quốc ngoại giao sử* (中國外交史) [thượng-hạ], Đài Bắc: Đài Loan thương vụ, 1972.
12. Phương Lược Quán triều Thanh. *Khâm định An Nam kỷ lược* (欽定安南紀略), Hồ Nam: Hải Nam, 2000, chụp lại nguyên bản từ Ngự Thư Phòng vua Gia Khánh, hiện tàng trữ tại Cổ Cung Bác Vật Viện Bắc Kinh.
13. Quách Chấn Phong và Trương Tiểu Mai (chủ biên). *Việt Nam thông sử* (越南通史), Bắc Kinh: Trung Quốc Nhân dân đại học xuất bản xã, 2001.

14. Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện. *Cung trung đáng Càn Long triều tấu triệp* [宮中檔乾隆朝奏摺], Quyển 68-72, Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1988.
15. *Thanh thực lục: Cao Tông Thuần Hoàng Đế thực lục* (高宗純皇帝實錄), Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1986.
16. Trần Hạ Sinh (chủ biên). *Trung Hoa ngũ thiên niên văn vật tập san - Phục sức thiên* (thượng-hạ) [中華五千年文物集刊-服飾篇], Đài Bắc: Sĩ Lâm, 1986.
17. Trần Khánh Hạo chủ biên. *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* (越南漢文小說叢刊) [7 quyển], Paris-Taipai: École Française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1986.
18. Trần Khánh Hạo (chủ biên). *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* (越南漢文小說叢刊) [7 quyển], Paris-Taipai: École Française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1992.
19. Trang Cát Phát. *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu* (清高宗十全武功研究), Đài Loan: Cổ Cung tùng san, Giáp chủng số 26, tháng 6 năm 1982.
20. Trung Quốc đệ nhất lịch sử đáng án quán. *Càn Long triều thượng dụ đáng* (乾隆朝上諭檔), quyển XIV, XV, XVI, Bắc Kinh: Đáng án xuất bản xã, 1991.
21. Trung Quốc Nhân dân đại học. *Thanh sử biên niên* (清史編年), "Càn Long triều", quyển VI, Bắc Kinh: Trung Quốc Nhân dân đại học, 1991.
22. Trương Tú Dân. *Trung Việt quan hệ sử luận văn tập* (中越關係史論文集), Đài Bắc: Văn Sử Triết, 1992.
23. *Văn hiến tùng biên* (文獻叢編) [thượng-hạ], Đài Bắc: Quốc Phong, 1964.
24. Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam (cộng tác với Phục Đán đại học, Trung Quốc). *Việt Nam Hán văn yên hành văn hiến tập thành* (越南漢文燕行文獻集成) (toàn bộ 25 quyển), Bắc Kinh: Phục Đán đại học xuất bản xã, 2010.

Việt văn

25. Bùi Dương Lịch. *Nghệ An ký* (Nguyễn Thị Thảo dịch), Hà Nội: Nxb KHXH, 1993.
26. Hoa Bằng. *Quang Trung Nguyễn Huệ, Anh hùng dân tộc 1788-1792*, California: Đại Nam (không để năm), in chụp lại theo bản lần thứ hai của Sài Gòn: Thư Lâm ấn thư quán, 1958.
27. Hoàng Xuân Hãn. *La Sơn Phu Tử*, Sài Gòn: Minh Tân, 1952.
28. Hoàng Xuân Hãn. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, [ba tập], Hữu Ngọc, Nguyễn Đức Hiền (sưu tập), Hà Nội: Nxb Giáo dục, 1998.
29. Lê Quý Đôn. *Đại Việt thông sử*, Tủ sách Cổ văn, bản dịch Trúc Viên Lê Mạnh Liêu, Sài Gòn: Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, 1973.
30. Ngô gia văn phái. *Hoàng Lê nhất thống chí*, bản dịch Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch, Hà Nội: Nxb Văn học, 2002.
31. Ngô Cao Lãng. *Lịch triều tạp kỷ*, Hoa Bằng và Hoàng Văn Lâu dịch, Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội, 1995.
32. Nguyễn Lương Bích. *Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước*, Hà Nội: Nxb Quân đội Nhân dân, 1996.
33. Nguyễn Trí Sơn. *Thư mục về Tây Sơn - Nguyễn Huệ*, Nghĩa Bình: Thư viện Khoa học tổng hợp, 1988.
34. Phạm Văn Thắm (dịch). *Lê quý dật sử*, Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội, 1987.
35. Phan Thúc Trục. *Quốc sử di biên*, bản dịch Đỗ Mộng Khương, Viện Sử học, Hà Nội: Nxb Văn hóa-Thông tin, 2009.
36. Phan Thúc Trục. *Quốc sử di biên*, bản dịch Hồng Liên Lê Xuân Giáo, Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1973.
37. Phan Trần Chúc. *Cuộc đời trôi nổi và đau thương của vua Lê Chiêu Thống*, Hà Nội: Nxb Văn hóa-Thông tin, 2001.
38. Quang Trung Nguyễn Huệ. *Đại Việt quốc thư*, Đình Thụ Hoàng Văn Hòe dịch, Sài Gòn: Trung tâm Học liệu, Bộ Giáo dục, 1973.

39. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, Tập 1, bản dịch Viện Sử học, Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2001.
40. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (hai tập), bản dịch Viện Sử học, Hà Nội: Nxb Giáo dục, 1998.
41. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Nhà Tây Sơn (Đại Nam chính biên liệt truyện: Ngụy Tây)*, bản dịch Tạ Quang Phát, Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1970.
42. Tập san *Sử địa*, tập 13, 14 -15, 16, Sài Gòn.
43. Trần Văn Giáp. *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm: Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, tập I, in lần thứ hai, Hà Nội: Nxb Văn hóa, 1984.
44. Trần Văn Giáp. *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm: Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, tập II, Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội, 1990.
45. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. *Tổng tập văn học Việt Nam*, trọn bộ 42 tập, Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội, 2000.

Pháp văn

46. Buis Georges và Charles Daney. *Quand les Français découvraient l'Indochine*, Paris: Herscher, 1981.
47. Đặng Phương Nghi. *Les Institutions Publiques du Viet-Nam au XVIII^e Siècle*, Paris: École Française d'Extrême-Orient, 1969.
48. Maybon, Charles B. *Histoire Moderne du Pays d'Annam (1592-1820)*, Paris: Librairie Plon, 1920.
49. Maybon, Charles B. *La Relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mr de la Bissachère*, Paris: Librairie Ancienne Honoré Champion, 1919.

Anh văn

50. Chia, Ning. "The Lifanyuan and the Inner Asian Rituals in the Early Qing (1644-1795)". *Late Imperial China*, Vol. 14, No. 1 (June 1993): 60-92.
51. Dutton, George. *The Tây Sơn Uprising - Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam*, Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006.
52. Hummel, Arthur W. (chủ biên). *Eminent Chinese of the Ch'ing Period (1644-1912)* (清代名人傳略), Taipei: Ch'eng Wen Publishing Company, 1970, (in lại theo bản của chính phủ Mỹ, Washington, 1943).
53. Kahn, Harold L. *Monarchy in the Emperor's Eyes: Image and Reality in the Chien-lung Reign*, Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1971.
54. Mcleavy, Henry. *The Modern History of China*, New York: Frederick A. Praeger, Inc., 1967.
55. Scidmore, Eliza Ruhamah. *China, The Long-Lived Empire*, New York: The Century Co., 1900.
56. Spence, Jonathan D. & Annping Chin. *The Chinese Century: A Photographic History of the Last Hundred Years*, New York: Random House, Inc., 1996.
57. Spence, Jonathan D. *The Search for Modern China*, New York: W.W. Norton & Co., 1990.
58. Yen Mah, Adeline. *China: Land of Dragons and Emperors*, Sidney, Australia: Allen & Unwin, 2008, [reprinted by Delacorte Press, New York, 2009].

Từ điển

59. La Trúc Phong (chủ biên). *Hán ngữ đại từ điển* (漢語大詞典), Thượng Hải: Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1986.
60. Nguyễn Văn Tân. *Từ điển địa danh lịch sử-văn hóa Việt Nam*, Hà Nội: Nxb Văn hóa-Thông tin, 1998.
61. Tang Lệ Hòa (chủ biên). *Trung Quốc nhân danh đại từ điển* (中國人名大辭典), bản tăng bổ lần thứ 2, Đài Bắc: Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1979.
62. Trần Văn Chánh. *Ngữ pháp Hán ngữ - cổ và hiện đại*, TPHCM: Nxb Trẻ, 2003.
63. Trần Văn Chánh. *Từ điển Hán Việt: Hán ngữ cổ đại và hiện đại* (in lần thứ hai), TPHCM: Nxb Trẻ, 2001.

Tài liệu riêng

64. An Nam đáng II, bản dịch NDC theo nguyên bản *Văn hiến tùng biên* [thượng và hạ]. Đài Bắc: Quốc Phong, 1964.
65. An Nam đáng III, bản dịch NDC theo nguyên bản Cổ Cung Bác Vật Viện Đài Bắc, 2007.
66. *Bắc hành lược ký*, bản dịch NDC theo nguyên bản Lê Quýnh, *Bắc hành lược ký*, *Nam Phong tạp chí*, số 125-131.
67. *Đại Việt quốc thư*, bản dịch NDC theo nguyên bản *Đại Việt quốc thư* (6 quyển), bản chép tay, số hiệu A.144, Paris, EFEO MF II.85.
68. *Dụ am văn tập*, bản dịch NDC theo nguyên bản chép tay của Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam, ký hiệu A.604/1-3. Phan Huy Ích, *Dụ am văn tập* [裕庵文集].
69. *Khâm định An Nam kỷ lược*, bản dịch NDC theo nguyên bản chụp lại từ Ngự Thư Phòng vua Gia Khánh, hiện tàng trữ tại Cổ Cung Bác Vật Viện Bắc Kinh, Phương Lược Quán triều Thanh. *Khâm định An Nam kỷ lược*, Hồ Nam: Hải Nam, 2000.

TÓM TẮT

Trong số các cựu thần nhà Lê bị giữ lại trên đất Trung Hoa cuối đời Càn Long, người được nhắc nhiều hơn cả có lẽ là Lê Quýnh. Ông là thủ lĩnh một nhóm nhỏ nhất định không chịu cạo đầu đổi áo để nhập tịch thành dân nhà Thanh, khiến cho chính giới sĩ phu Trung Hoa cũng hết sức khâm phục. Thế nhưng hình ảnh của các cựu thần như Lê Quýnh, Lý Bình Đạo, Trịnh Hiếu, Lê Tri... lại rất mờ nhạt trong sử liệu Việt Nam, nhiều chi tiết, sự kiện liên quan đến cuộc đời họ còn bị bôi bác, xuyên tạc vì định kiến hoặc vì những động cơ khác của các sử gia.

Dựa vào nguồn sử liệu của Trung Hoa, có đối sánh với sử liệu Việt Nam, biên khảo này đặt trọng tâm vào việc phân tích các diễn biến trong mối quan hệ giữa Thanh triều và nhà Tây Sơn, qua đó để thấy rõ hơn số phận của vua Lê và các cựu thần thật ra chỉ là những con cờ trong tay vua Càn Long và triều đình nhà Thanh trong việc đối phó với Đại Việt. Cuộc diện đó cũng giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa những việc làm của Lê Quýnh và những điều ông đã phải chịu đựng trong suốt 15 năm truân chuyên trên đất Trung Hoa.

Ở một nghĩa rộng hơn, chúng ta có thể xem thái độ bất khuất của Lê Quýnh như một biểu trưng của chính dân tộc Việt trong giao thiệp với người láng giềng phương Bắc.

ABSTRACT

LÊ QUÝNH (1750-1805)

Among the old officials of Later Lê Dynasty detained in China during the last years of Emperor Qianlong's reign, perhaps Lê Quýnh was mentioned the most. He was the leader of a small group of Vietnamese officials who refused to shave their heads except for a queue and wear Chinese costumes to become Chinese citizens, which was admired by Chinese feudal intellectuals. However, the image of such old officials as Lê Quýnh, Lý Bình Đạo, Trịnh Hiếu, Lê Tri, etc... is indistinct in Vietnamese historical records, even a lot of details and events related to their lives were defamatory and distorted by historians because of their prejudice or selfish motives.

Based on Chinese historical records in comparison with Vietnamese historical records, the article focuses on analyzing the course of relationships between the Qing Dynasty and the Tây Sơn Dynasty, through which we can be fully aware of the fate of the King Lê Chiêu Thống and his officials who were mere pawns in the hands of Emperor Qianlong and the Qing court to deal with Đại Việt. That complexion helps us understand the significance of what Lê Quýnh had done and what he had endured during 15 years of distress in China.

In a larger sense, we can consider the indomitable attitude of Lê Quýnh as the symbol of the Vietnamese people in dealing with China, our northern neighbor.